

Bản án số: **69/2020/HS-ST**

Ngày: 25-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quyết

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyên Lương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN VŨ M, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14 tháng 3 năm 1991 tại Quảng Nam; CMND số: 205617419; Ngày cấp: 08/8/2011; Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 6 thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B1 (sinh năm: 1963) và bà Võ Thị Xuân N (sinh năm: 1967), gia đình có ba anh em, bị cáo là con đầu.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông **Lê Văn D**, sinh năm: 1955; Địa chỉ: K304/2 đường V, phường T1, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Chí T2**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ M và Nguyễn Chí T2 là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội.

Tháng 10/2018, Nguyễn Chí T2 dùng tài khoản Zalo của mình tên "Nguyễn Việt Hùng" rồi nhắn tin đề mua lô đất số 56, B1-2, khu tái định cư L3, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng của anh Đinh V1. Quá trình nhắn tin thì T2 yêu cầu và được anh V1 cung cấp file hình ảnh "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 306435 của lô đất trên và Chứng minh nhân dân số: 186686761 đều mang tên Đinh V1". Sau khi có được file hình ảnh nói trên, T2 không mua đất mà cung cấp file hình ảnh cho Nguyễn Vũ M để M môi giới. M dùng file hình ảnh mà T2 đưa rồi đến tiệm phô tô khu vực quận L1, thành phố Đà Nẵng (không rõ địa chỉ) in màu file hình ảnh "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 306435" ra giấy A4 và trực tiếp sửa chữa thông tin trên Giấy chứng nhận này tại mục IV Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: Thay đổi từ "Xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An" thành "Xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An". M truy cập vào mạng Internet và thỏa thuận với 01 tài khoản Zalo (không rõ tên) để đặt làm giả Giấy chứng minh nhân dân với giá 1.000.000 đồng. M cung cấp file hình ảnh Chứng minh nhân dân số: 186686761 mang tên Đinh V1 và chuyển số tiền 1.000.000 đồng cho tài khoản Zalo này. Khoảng 05 ngày sau, M nhận được 01 Giấy chứng minh nhân dân số 186686761 mang tên Đinh V1 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 06/10/2017 thông qua dịch vụ chuyển phát, không rõ người chuyển. M khai nhận sau khi có được các giấy tờ nói trên thì chuyển lại cho T2 cất giữ rồi quay lại Bình Phước.

Mặc dù thực tế M không có đất để bán và cũng không được anh Đinh V1 nhờ bán hộ lô đất nói trên nhưng vào ngày 17/3/2019, M lập tài khoản facebook mang tên "Đinh V1" và dùng tài khoản này đăng tin bán đất với nội dung: "Bán đất L, H 150m2 giá 1,7 Liên hệ chủ 0935237392" nhằm mục đích thông qua việc mua bán đất chiếm đoạt tiền cọc của người mua đất. Ngày 05/4/2019, ông Lê Văn D và anh Văn Thành H1 (là con rể ông D) liên lạc và thỏa thuận với M để mua đất. M đưa ông D, anh H1 đi xem lô đất số 56, B1-2, khu tái định cư L3, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Ông D đồng ý mua lô đất này và hẹn M đặt cọc chuyển nhượng.

Ngày 06/4/2019, M nhờ Nguyễn Chí S1 chở đến nhà ông D tại K304/2 đường V, phường T1, quận K, thành phố Đà Nẵng để giao dịch mua bán đất. Lúc này, S1 đứng ngoài đợi, còn M đeo tóc giả và kính mắt mua tại chợ C1, thành phố Đà Nẵng, đem theo giấy tờ giả để tạo lòng tin rồi sau đó ký hợp đồng đặt cọc (V/v chuyển nhượng QSH nhà - QSD đất) với ông D để bán lô đất trên với giá 850.000.000 đồng. Ông D đồng ý mua đất rồi đưa cho M số tiền cọc là 100.000.000 đồng và hẹn ngày công chứng chuyển nhượng. M đồng ý và nhận tiền cọc là 100.000.000 đồng rồi bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh. M khai

nhận sau khi nhận tiền đã vứt bỏ tóc giả, kính mắt, những giấy tờ giả trên tại thùng rác ven đường (không rõ địa chỉ cụ thể, không thu hồi được). Số tiền có được M đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi biết bị lừa đảo, ông D đến Công an phường T1, quận K, thành phố Đà Nẵng trình báo sự việc.

Tang vật tạm giữ:

- 04 hình ảnh màu chụp Nguyễn Vũ M.
- 01 hình ảnh màu chụp Giấy chứng nhận đất Lô 56 Khu B1-2 L3 do M đưa ra.
- 01 hình ảnh màu chụp CMND Đinh V1 do M đưa ra.
- 02 hình ảnh giấy đặt cọc lô đất 56 Khu B1-2 L3.
- Bản chính Giấy đặt cọc mua bán đất giữa M và ông D.

*Tại Bản kết luận giám định số 80 ngày 02/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định:

+ Chữ ký, chữ viết của Lê Văn D, Văn Thành H1, và chữ viết của Lê Ngọc M1 trên Hợp đồng đặt cọc ngày 06/4/2019 so với chữ ký, chữ viết do Lê Văn D, Văn Thành H1, Lê Ngọc M1 cung cấp là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết "Đinh V1" trên Hợp đồng đặt cọc ngày 06/4/2019 so với chữ viết của Nguyễn Vũ M mà Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết ra.

*Tại Công văn số 75/KTHS-(Đ2), ngày 19/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định: "Không nhận giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu sao chụp (Phô tô, fax, ảnh...). Đối với tài liệu dùng làm mẫu so sánh thì phải là bản gốc".

*Tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H, thành phố Đà Nẵng xác định:

Thửa đất số 56, B1-2, khu tái định cư L3, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng ban đầu được cấp chứng nhận quyền sử dụng cho ông Võ V2, sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị P1, sinh năm 1973; Cùng trú tại thôn N1, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 306435 ngày 09/6/2019.

Đến ngày 08/8/2019, điều chỉnh chuyển nhượng cho ông Đinh V1 theo hồ sơ số 714845.CN.001.

Sau đó, ông Đinh V1 có yêu cầu chỉnh lý thông tin tại phần "Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý" (Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận), cụ thể: điều chỉnh địa chỉ thường trú từ "Xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An" thành "Xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An". Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H đã chỉnh lý và đóng dấu xác nhận vào vị trí điều chỉnh nói trên của

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 306435.

Đến ngày 11/01/2019, điều chỉnh chuyển nhượng cho ông Trần N2, sinh năm 1982 và bà Lê Thị N3, sinh năm 1990; Cùng trú tại xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo hồ sơ số 714845.CN.002. Từ đó đến nay, chưa có yêu cầu điều chỉnh gì thêm.

Qua làm việc, Đình V1 khai nhận không nhờ M bán giúp lô đất trên.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 18/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Vũ M về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và đề nghị HĐXX áp dụng:

*Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ M phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Vũ M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

*Về trách nhiệm dân sự: M tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng và nhờ T2 trả lại số tiền 85.000.000 đồng cho ông Lê Văn D. Ông D đã nhận lại tiền và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét đến.

Đối với Nguyễn Vũ M, có hành vi làm giả "Giấy chứng nhận quyền dùng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 306435 của lô đất trên và Chứng minh nhân dân số: 186686761 đều mang tên Đình V1" để dùng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện nay không thu giữ được những giấy tờ giả nêu trên. Đối với hình ảnh do ông D chụp lại thì không thực hiện giám định kỹ thuật hình sự được. Do đó, không đủ cơ sở kết luận trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Vũ M về hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, Nguyễn Vũ M còn khai nhận toàn bộ việc làm giả giấy tờ, mạo danh anh V1 để chiếm đoạt tiền cọc của ông D là do Nguyễn Chí T2 hướng dẫn, M là người thực hiện. Quá trình điều tra chỉ có lời khai duy nhất của M, không còn tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh, do đó không đủ cơ sở kết luận trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Nguyễn Chí T2.

Đối với Nguyễn Chí S1 có hành vi chở M đi giao dịch mua bán đất nhưng S1 không biết M thực hiện hành vi "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Vũ M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án: Ngày 06/4/2019, tại nhà ông Lê Văn D tại K304/2 đường V, phường T1, quận K, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Vũ M đã có hành vi gian dối bằng cách sử dụng "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 306435 của lô đất trên và Chứng minh nhân dân số: 186686761 đều mang tên Đinh V1", mạo danh anh Đinh V1 để thực hiện giao dịch mua bán lô đất số 56, B1-2, khu tái định cư L3, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng và chiếm đoạt của ông D số tiền cọc 100.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Vũ M đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đối với hành vi làm giả "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 306435 của lô đất trên và Chứng minh nhân dân số: 186686761 đều mang tên Đinh V1" để dùng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện nay không thu giữ được những giấy tờ giả nêu trên. Đối với hình ảnh do ông D chụp lại thì không thực hiện giám định kỹ thuật hình sự được. Do đó, không đủ cơ sở kết luận trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Vũ M về hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên không xem xét đến.

[4] *Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Bị cáo nhận thức rõ việc sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để tạo lòng tin nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do ham lợi, lười lao động nên bị cáo vẫn bất chấp, coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được

pháp luật bảo vệ cũng như tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[5] *Xét về những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thì thấy:*

- Tình tiết tăng nặng: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, bị cáo đã khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin bãi nại, bị cáo chưa có tiền án tiền sự; đồng thời, cha bị cáo được huân chương chiến công và ông nội, bà nội của bị cáo được tặng huân chương kháng chiến là những tình tiết giảm nhẹ được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo Nguyễn Vũ M có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lý lịch rõ ràng, phạm tội lần đầu, bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường tài sản chiếm đoạt cho bị hại, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo, HĐXX xét thấy phù hợp nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Từ những phân tích trên, xét lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về tội danh và áp dụng các điều luật cũng như đề nghị mức hình phạt là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[9] Trong vụ án này, Nguyễn Vũ M còn khai nhận toàn bộ việc làm giả giấy tờ, mạo danh anh V1 để chiếm đoạt tiền cọc của ông D là do Nguyễn Chí T2 hướng dẫn, M là người thực hiện. Quá trình điều tra chỉ có lời khai duy nhất của M, không còn tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh, do đó không đủ cơ sở kết luận trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Nguyễn Chí T2 là có căn cứ nên không xem xét đến.

Đối với Nguyễn Chí S1 có hành vi chở M đi giao dịch mua bán đất nhưng S1 không biết M thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên không đề cập xử lý là có căn cứ nên không xem xét đến.

[10] Án phí HSST: Bị cáo Nguyễn Vũ M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ M phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

1. Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Vũ M **02 (hai) năm tù cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Vũ M cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục.

Gia đình Nguyễn Vũ M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Án phí HSST: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao (hoặc niêm yết) bản án.

(Đã giải thích quy định về án treo)

Nơi nhận:

- VKSND Tp Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQĐT Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS Công an quận Thanh Khê
- Chi cục THA quận Thanh Khê;
- Sở Tư pháp
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Hậu